

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Năm 2011



MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	6
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	8
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	8
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	9
VII.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	10
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	11

H
C
H
KH
NI
05

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty Chứng khoán Tâm Nhìn được thành lập ngày 22/12/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp giấy phép hoạt động ngày 28 tháng 12 năm 2006, được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM công nhận tư cách thành viên ngày 05/04/2007, trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 14/05/2007 và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam từ ngày 07/02/2007.
- Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006, vốn điều lệ của công ty là 12.000.000.000 VNĐ với các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.
- Theo Giấy phép điều chỉnh số 139/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, vốn điều lệ công ty là 20.000.000.000 VNĐ.
- Theo Giấy phép điều chỉnh số 190/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 17 tháng 02 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 25.000.000.000 VNĐ đồng thời công ty được chấp thuận rút bớt nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Theo Giấy phép điều chỉnh số 253/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 12 tháng 8 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 35.000.000.000 VNĐ.
- Theo Giấy phép điều chỉnh số 282/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 45.000.000.000 VNĐ.
- Theo Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ công ty là 60.000.000.000 VNĐ.

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

2.2. Tình hình hoạt động

- Nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Do đặc thù thị trường giao dịch suy giảm kéo dài từ năm 2009-2011, đồng thời công ty có sự thay đổi trong định hướng phát triển nên trong năm vừa qua hoạt động môi giới chứng khoán của công ty được tiến hành ở quy mô hạn chế.

Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên môi giới chứng khoán có đầy đủ các chứng chỉ hành nghề theo luật định, thực hiện nghiệp vụ môi giới theo các quy trình nội bộ, và các quy trình liên quan tới các bên liên quan. Dịch vụ môi giới đã

đáp ứng yêu cầu về mua bán chứng khoán tại hai sàn giao dịch, đảm bảo quy trình mở tài khoản, quản lý lệnh giao dịch, thực hiện giao dịch, theo dõi hệ thống tài khoản, hoàn tất công đoạn thanh toán bù trừ đối với các giao dịch của khách hàng.

- **Nghiệp vụ lưu ký và kế toán**

Công ty đã thực hiện tốt các nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư với các đối tác liên quan. Thực hiện đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kế toán giao dịch với khách hàng và nghiệp vụ kế toán công ty.

Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán đã được thực hiện theo đúng các quy trình do công ty ban hành dựa trên các quy trình chuẩn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các thành viên lưu ký yêu cầu.

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên môn vững mạnh để thực hiện tốt nhất các nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính.
- Tiến hành mở rộng cơ sở khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc chuẩn bị cung cấp dịch vụ môi giới và tư vấn tốt cho khách hàng.
- Từng bước nâng cao kết quả hoạt động của công ty, nhằm đem lại lợi nhuận cho cổ đông, đảm bảo lợi ích và quyền lợi cho đội ngũ nhân viên.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển quan hệ chiến lược dài hạn với các định chế tài chính, cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư, nhằm tối đa hóa các lợi ích của các khách hàng và đối tác.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, xây dựng một môi trường văn hóa công ty khuyến khích tinh thần doanh nhân, sáng tạo, kỷ luật cao, chia sẻ năng lực, trí tuệ và nguồn lực.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2011 sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của các công ty chứng khoán nói chung và của Công ty CP Chứng khoán Tầm Nhìn nói riêng. Cụ thể, tổng doanh thu tính đến ngày 31/12/2011 của Công ty đạt được là 2.690.802.339 đồng. Doanh thu năm 2011 hầu hết đến từ hoạt động môi giới, mà chủ yếu là môi giới cho các khách hàng tổ chức nước ngoài.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Nhìn chung, kế hoạch công ty đặt ra trong năm chưa được thực hiện do yếu tố thị trường biến động bất lợi.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Năm 2011 đánh dấu bước phát triển mới của Công ty khi có sự tham gia của cổ đông chiến lược nước ngoài là Citigroup, một định chế tài chính lớn và có lịch sử phát triển lâu đời. Citigroup đã cử người tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty, đồng thời có những bước hỗ trợ đầu tiên cho Công ty trong việc đào tạo đội ngũ nhân sự, xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ theo định hướng chuyên nghiệp và theo chuẩn quốc tế.

Đồng thời, trong năm 2011, để tập trung chuyên sâu vào hoạt động phục vụ khách hàng tổ chức, Công ty đã hoàn tất việc chuyển, đóng phần lớn các tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân mở tại công ty. Số lượng tài khoản đầu tư cá nhân hiện tại chỉ là các tài khoản của nhân viên tại công ty và công ty liên quan, với mục tiêu thực hiện việc quản lý giao dịch của nhân viên theo quy định của luật pháp, đảm bảo lợi ích độc lập của khách hàng.

Đội ngũ điều hành và các trưởng phòng ban của công ty đã và đang tích cực tiến hành các hoạt động marketing để tìm kiếm khách hàng cho các nghiệp vụ của công ty, đồng thời đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng hiện hữu để duy trì hoạt động giao dịch thường xuyên của khách hàng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

4.1. Nhận định chung

Năm 2012 được nhận định vẫn là một năm còn nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế thế giới và trong nước, nhưng cũng xuất hiện nhiều cơ hội tác động tốt tới hoạt động của thị trường chứng khoán.

Với mục tiêu nhằm duy trì sự ổn định và bền vững của thị trường chứng khoán, tiếp tục đưa thị trường chứng khoán vượt qua khó khăn và từng bước khôi phục kênh huy động vốn và dẫn vốn hiệu quả cho nền kinh tế, góp phần ổn định và phát triển kinh tế, cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành những chính sách lớn và trong năm 2012 trọng tâm sẽ đi sâu vào tái cấu trúc thị trường chứng khoán, trong đó có tái cấu trúc các công ty chứng khoán. Dự kiến đề án tái cấu trúc này sẽ có những ảnh hưởng nhất định lên hoạt động của Công ty trong năm 2012.

4.2. Tổ chức nhân sự

- Công ty dự kiến tiếp tục đầu tư sâu vào việc đào tạo, xây dựng đội ngũ, chuẩn bị chuyên môn và kiến thức chuyên ngành cho đội ngũ nhân viên nghiệp vụ.
- Định hướng ổn định bộ máy và tiến hành các hoạt động nâng cao cơ sở khách hàng thông qua việc mở rộng thị trường, đa dạng sản phẩm và hợp tác với các đối tác dịch vụ trong và ngoài nước.

4.3. Sản phẩm và Dịch vụ

- Cung cố dịch vụ môi giới chứng khoán, duy trì doanh số giao dịch của khách hàng hiện tại, chú trọng tiềm hiệu và phát triển khách hàng tiềm năng.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng cho khách hàng theo hướng nâng cao chất lượng, đầu tư theo chiều sâu.

4.4. Tăng vốn kinh doanh

Công ty đang có kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2012 nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật. Kế hoạch tăng vốn sẽ được đưa ra trình trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 4 năm 2012.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2011	31/12/2010
- Khả năng thanh toán:			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	17,36	8,6
Khả năng thanh toán nhanh	lần	14,91	7,86
- Cơ cấu vốn:			
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	4,88	8,88
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	5,13	9,75
- Cơ cấu tài sản:			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số Tài sản	%	79,92	65,69
Tài sản dài hạn / Tổng số Tài sản	%	20,08	34,31
- Tỷ suất lợi nhuận:			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	-
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	-

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: 2.367 đồng/cổ phiếu
- Những thay đổi về vốn cổ đông:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2011	Năm 2010
Vốn góp đầu kỳ	45 tỷ	45 tỷ
Vốn góp tăng trong kỳ	15 tỷ	0

Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	60 tỷ	45 tỷ

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)
 - Cổ phiếu thường: 6.000.000 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: Không có
 - Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại
 - Cổ phiếu thường: 6.000.000 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: Không có
 - Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
 - Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Không có
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ có hoạt động môi giới và lưu ký. Công ty không quản lý tiền mặt của khách hàng, do khách hàng chủ yếu là các tổ chức nước ngoài có sử dụng ngân hàng lưu ký, và Công ty cũng đã ký hợp đồng hợp tác với Ngân hàng An Bình trong việc quản lý tiền của khách hàng. Ngoài ra, Công ty không cung cấp dịch vụ giao dịch tài chính, và cũng không tự doanh.
 - Ngoài ra, do tình hình thị trường trong năm 2011 không được thuận lợi, nên nhìn chung kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt được kết quả đã đề ra.
- 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**
- Cơ cấu tổ chức: đã hoàn thiện bộ máy quản lý ở các phòng ban trong công ty
 - Chính sách: đã xây dựng và đưa vào áp dụng các chính sách về lương, thưởng, bảo hiểm cá nhân, chính sách ưu đãi nhân viên, và chính sách phát triển khách hàng, cho toàn thể nhân viên trong công ty.
 - Công ty đã xây dựng và triển khai hệ thống quy trình nghiệp vụ đối với các hoạt động môi giới, lưu ký, kế toán, tuyển dụng và đào tạo.
 - Ngoài ra, công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống quản lý, bao gồm các quy định, quy trình làm việc, cũng như xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy trình, nghiệp vụ, kiểm soát rủi ro nhằm đảm bảo tính trung thực, chính xác, hiệu quả trong hoạt động ở các bộ phận.
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- Đảm bảo nguồn vốn hoạt động của Công ty: Ban Tổng giám đốc đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, dự định sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên vào tháng 4/2012.

- Tiếp tục duy trì chính sách thực hiện quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư tại ngân hàng thương mại theo đúng quy định của UBCKNN để đảm bảo tính minh bạch, bảo vệ tài sản của nhà đầu tư.
- Cơ cấu lại phòng ban, tiếp tục cắt giảm và tiết kiệm chi phí hoạt động.
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phát triển khách hàng, nhằm tăng doanh thu từ hoạt động môi giới trong năm 2012, dựa trên mức nền tảng dịch vụ chất lượng và năng lực cạnh tranh thông qua hợp tác chiến lược và ổn định tài chính doanh nghiệp.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tất cả các báo cáo tài chính liên quan đến hoạt động của Công ty và Báo cáo kiểm toán được kèm theo Phụ lục của báo cáo này.

V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tầm Nhìn.
- Ý kiến kiểm toán độc lập:
 - + Theo quan điểm của đơn vị kiểm toán AISC, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tầm Nhìn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.
 - + Không nhằm phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2011 của công ty là 45.798.841.813 đồng, chiếm 76,33% vốn điều lệ. Do đó, công ty cần xem xét thực hiện các biện pháp cần thiết để phát triển kinh doanh và tăng vốn điều lệ để bảo đảm tỷ lệ vốn khả dụng phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): không có

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Thống nhất với ý kiến Công ty Kiểm toán.
- Các nhận xét đặc biệt: Không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty:

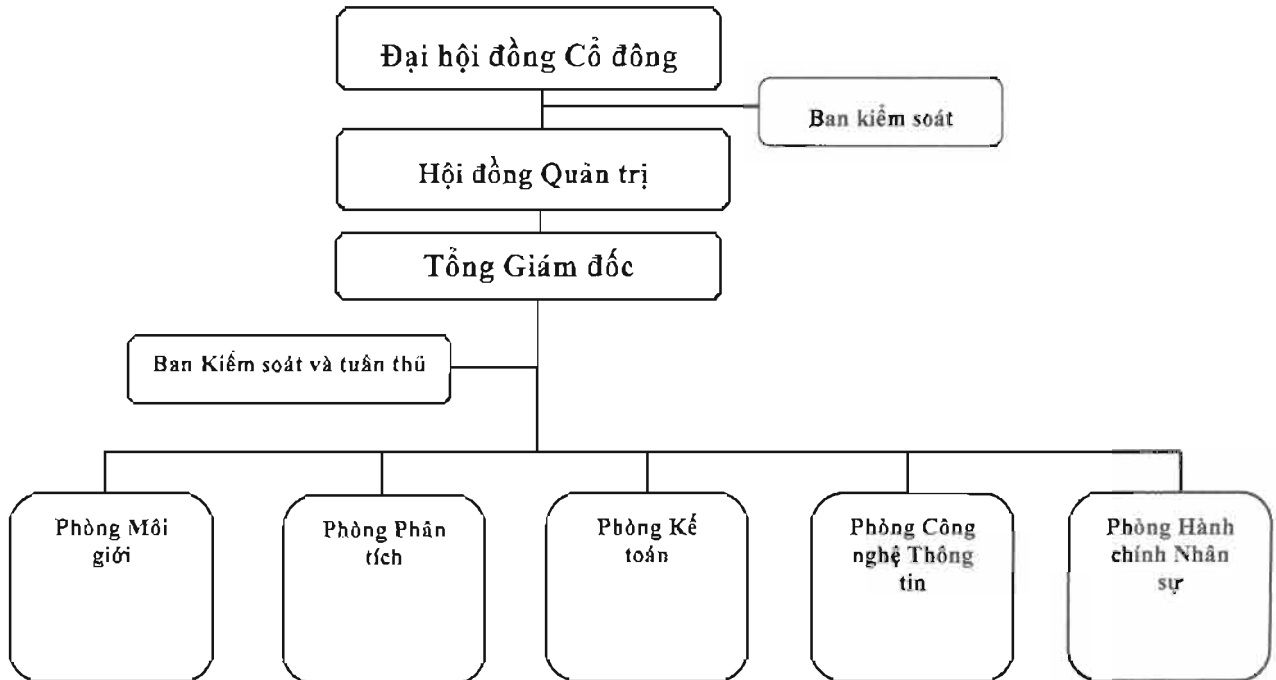
Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn đang nắm giữ 5.346.000 cổ phần, tương đương 89,10% vốn điều lệ của công ty.

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ: không có.



VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Tổng Giám đốc: HOÀNG QUỐC HÙNG

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) – Viện phát triển Hàn Quốc, Trường Quản lý Kinh doanh Seoul, Hàn Quốc

- Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương Hà Nội

Quá trình làm việc: - 1998 – 2002: Chuyên viên của TTGDCK Hà Nội - Biệt phái công tác tại vụ Thanh tra, UBCKNN

- 2003: Trưởng phòng Hành chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông

- 12/2004: Nhân viên Ban Tài chính doanh nghiệp – Công ty TNHH Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam)

- 2005 – nay: Giám đốc Kinh doanh – Công ty TNHH Tư vấn Tâm Nhìn

- 2008 – nay: Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Tâm Nhìn

3. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: Không có

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

- Tiền lương của Tổng Giám đốc được quy định tại hợp đồng lao động ký giữa Tổng giám đốc với Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Trong năm 2011, do hoạt động kinh doanh chưa có lãi, đồng thời không có thành tích đáng kể trong mọi mặt, công ty không trả tiền thưởng cho ban điều hành.
- 5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**
- Số lượng cán bộ nhân viên tại thời điểm 31/12/2011: 22
 - Các chính sách đối với người lao động:
 - Trả lương sau thuế (công ty chịu thuế thu nhập, BHXH, BHYT, BHTN...)
 - Thưởng theo quý, năm, các ngày Lễ, Tết ... hình thức thưởng linh hoạt.
 - Nhân viên được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 (với mức bồi thường lên đến 30 tháng lương của người được bảo hiểm)
 - Được khám sức khỏe định kỳ hàng năm
 - Được hỗ trợ toàn bộ học phí các lớp đào tạo về chứng khoán cũng như thi lấy chứng chỉ hành nghề
 - Được tham dự các khóa đào tạo kỹ năng và đào tạo chuyên môn theo yêu cầu của công việc.

- 6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**
- Thay đổi thành viên HĐQT: Trong năm công ty có bổ sung 01 thành viên HĐQT là ông Jeffrey Emerson Carleton theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 14/7/2011.
 - Thay đổi Ban Giám đốc/Ban kiểm soát/Kế toán trưởng: Không có

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

- HĐQT gồm 4 thành viên:
 - Ông Đoàn Mạnh Khâm: Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Ông Hoàng Quốc Hùng: Thành viên;
 - Ông Lâm Bảo Quang: Thành viên (thành viên độc lập không điều hành);
 - Ông Jeffrey Emerson Carleton: Thành viên.
- Ban kiểm soát gồm 1 thành viên: Bà Ngô Quỳnh Như.

1.2 Hoạt động của HĐQT

HĐQT đã hoàn thành tốt việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. HĐQT cũng đã tăng cường trao đổi giữa các thành viên với

nhau, giữa các thành viên với Tổng Giám đốc để thảo luận tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh và chỉ đạo, định hướng hoạt động cho Tổng Giám đốc. Trong năm 2011, HĐQT đã có 04 cuộc họp, ban hành 04 quyết định liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

1.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Trong HĐQT, có một thành viên độc lập không điều hành là ông Lâm Bảo Quang. Là người có nhiều kinh nghiệm trong thị trường vốn và đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, thành viên không điều hành đã đóng góp rất nhiều cho việc hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban.

1.5 Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ đối với hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc, xem xét các quy trình, quy chế kiểm soát nội bộ của các phòng ban trong Công ty và các báo cáo tài chính quý và năm của Công ty.

1.6 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- HĐQT tiếp tục phát huy vai trò chỉ đạo, điều hành của mình, đánh giá cao ý kiến đóng góp của thành viên độc lập không điều hành.
- Tăng cường hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát.

1.7 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:

Trong năm công ty không chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

1.8 Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên HĐQT/BKS/TGD của công ty không thuộc trường hợp bắt buộc phải hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty vì yêu cầu này chỉ áp dụng đối với công ty đại chúng. Tuy nhiên, toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị có trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh do nước ngoài đào tạo. 1/4 số Thành viên Hội đồng Quản trị đã có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

1.9 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT: Xem mục VIII.2

1.10 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

1.11 Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

S T T	Họ và tên (tên giao dịch đối với tổ chức) cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần/ phần vốn góp	Số giấy CMND/ Giấy CNĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Số lượng/tỷ lệ cổ phần nắm giữ đầu kỳ (*)	Số lượng/tỷ lệ cổ phần nắm giữ cuối kỳ (**)	Nội dung thay đổi tỷ lệ sở hữu	Ngày thay đổi	Ghi chú
1	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn	0304133146 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp ngày 5/12/2005	Phòng 902&903, toà nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM	4.440.000 (98,67%)	5.346.000 (89,10%)	Tăng 906.000 cổ phần do mua thêm cổ phần trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ	21/07/2011	
2	Citigroup Financial Products, Inc.	GPTL số 2039266	1209 Orange Street, Wilmington, Delaware 19801, United States of America	0 (0%)	594.000 (9,90%)	Tăng 594.000 cổ phần do mua mới cổ phần trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ	21/07/2011	Nước ngoài
3	Đoàn Mạnh Khâm	710341297 cấp ngày 29/7/2003 tại Hoa Kỳ	12/4E Nguyễn Thị Minh Khai, Q 1, TP.HCM	48.000 (1,07%)	48.000 (0,80%)	Tỷ lệ sở hữu giảm do công ty tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ	21/07/2011	Nước ngoài TV HĐQT
4	Hoàng Quốc Hùng	024781140 cấp ngày 13/12/2007 tại CA TP.HCM	72 Nguyễn Công Trứ, P Nguyễn Thái Bình, Q 1, TP.HCM	12.000 (0,27%)	12.000 (0,20%)	lên 60 tỷ	21/07/2011	TV HĐQT

Ghi chú: (*) Tỷ lệ tính trên tổng số cổ phần là 4.500.000 cổ phần, tương ứng với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng;

(**) Tỷ lệ tính trên tổng số cổ phần là 6.000.000 cổ phần, tương ứng với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng.

TP. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Hoàng Quốc Hùng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÀI CHÍNH TP.HCM

Auditing & Business Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TÂM NHÌN**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

MỤC LỤC

	Trang
Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc	01 - 02
Báo Cáo Kiểm Toán	03
Bảng Cân Đối Kế Toán	04 - 10
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	11
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	12 - 13
Báo Cáo Tình Hình Biến Động Vốn Chủ Sở Hữu	14
Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	15 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Thông tin chung về công ty:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tâm Nhìn được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 4103005774 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp, số vốn điều lệ của công ty là: 12.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 2 số 139/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, vốn điều lệ công ty là 20.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 3 số 190/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 02 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 25.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán thay đổi lần 4 số 282/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009, vốn điều lệ công ty là 45.000.000.000 VNĐ.

Theo giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 07 năm 2011, vốn điều lệ công ty là 60.000.000.000 VNĐ.

Hoạt động chính của Công ty:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

Trụ sở chính: Lầu 9, Cao Ốc Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Mạnh Khâm

Chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Quốc Hùng

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hoài Ân

Quyền Kế toán trưởng

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tài chính Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp.HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 22.880/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tâm Nhìn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 05 tháng 03 năm 2012 của CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo vốn chủ sở hữu không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo vốn chủ sở hữu; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo này. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2011 của công ty là 45.798.841.813 đồng, chiếm 76,33% vốn điều lệ. Do đó, công ty cần xem xét thực hiện các biện pháp cần thiết để phát triển kinh doanh và tăng vốn điều lệ để bảo đảm tỷ lệ vốn khả dụng phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Đâu Nguyễn Lý Hằng

Số chứng chỉ KTV: 1169/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Phạm Thị Hồng Uyên

Số chứng chỉ KTV: 0794/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ho Nai : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giay Dist, Ho Nai

Branch in Da Nang : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Da Nang

Representative in Can Tho : 5B, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Can Tho City.

Representative in Hai Phong : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045/46/47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aisc@ang.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.986.551.759	6.371.183.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.249.522.433	5.824.198.276
1. Tiền	111		10.249.522.433	5.824.198.276
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.7	41.679.494	15.143.000
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		41.679.494	9.143.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		-	6.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	1.695.349.832	531.842.722
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.402.446.602	143.221.435
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	94.721
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		134.297.432	256.201.805
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		158.605.798	132.324.761
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.998.371.414	3.328.066.959
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
II. Tài sản cố định	220		1.241.668.940	1.735.990.571
1. TSCĐ hữu hình	221	V.3.1	921.192.937	1.222.688.403
- Nguyên giá	222		2.341.905.772	2.381.689.562
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.420.712.835)	(1.159.001.159)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.3.2	320.476.003	513.302.168
- Nguyên giá	228		967.502.000	967.502.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(647.025.997)	(454.199.832)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.756.702.474	1.592.076.388
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	1.056.821.474	1.154.244.168
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.6	236.381.000	220.833.220
4. Tài sản dài hạn khác	268		463.500.000	216.999.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.984.923.173	9.699.250.957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		783.764.986	861.690.990
I. Nợ ngắn hạn	310		687.317.236	740.934.071
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	445.077
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		55.492.530	-
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.8	480.750.695	589.986.558
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	144.115.502	110.263.742
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.9	85.389	40.238.694
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		6.873.120	-
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		96.447.750	120.756.919
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		96.447.750	120.756.919
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		14.201.158.187	8.837.559.967
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.11	14.201.158.187	8.837.559.967
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(45.798.841.813)	(36.162.440.033)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		14.984.923.173	9.699.250.957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký	006	638.960.000	25.317.630.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	638.960.000	25.317.630.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	638.960.000	25.317.620.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	10.000
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	014		
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	015		
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		
6.3. Chứng khoán cầm cố	017		
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022		
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050
Trong đó:	
7.1. Chứng khoán giao dịch	051
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	058
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	059
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060
7.3. Chứng khoán cầm cố	061
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.4. Chứng khoán tạm giữ	066
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075
7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080
7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084

Tp.HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2012

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu	01	VI.1	2.690.802.339	4.285.104.049
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới Chứng khoán	01.1		2.275.080.305	3.654.000.455
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành Chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành Chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
- Doanh thu lưu ký Chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		415.722.034	631.103.594
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		2.690.802.339	4.285.104.049
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	2.947.047.920	8.286.960.909
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(256.245.581)	(4.001.856.860)
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.356.366.517	8.695.782.566
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(9.612.612.098)	(12.697.639.426)
8 Thu nhập khác	31		67.246.075	-
9 Chi phí khác	32		91.035.757	11
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(23.789.682)	(11)
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(9.636.401.780)	(12.697.639.437)
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(9.636.401.780)	(12.697.639.437)
15 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.836)	(2.822)

Tp.HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2012

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG QUỐC HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÀM NHÌN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>			
Tiền thu được từ hoạt động kinh doanh	01	2.195.145.714	4.167.078.566
Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(1.499.941.741)	(1.811.961.298)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	(31.833.802)
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	11.095.138.683	79.477.645.491
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(11.114.867.609)	(80.804.290.806)
Tiền thu bán chứng khoán khách hàng	08	-	-
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	-	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(4.989.749.626)	(3.527.605.270)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(4.528.170.299)	(7.476.252.095)
Tiền chi trả lãi vay	12	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	9.702.330.445	7.987.949.045
Tiền chi khác	15	(11.749.512.937)	(11.775.695.344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.889.627.370)	(13.794.965.513)
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(95.222.727)	(168.930.000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	10.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	400.174.254	611.124.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	314.951.527	442.194.101
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</i>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	15.000.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	4.425.324.157	(13.352.771.412)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.824.198.276	19.176.969.688
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>10.249.522.433</u>	<u>5.824.198.276</u>

Tp.HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2012

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG QUỐC HÙNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45.000.000.000	45.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-	45.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(23.464.630.596)	(36.162.440.033)	8.523.624	12.706.333.061		9.636.401.780	(36.162.440.033)	(45.798.841.813)
Cộng		21.535.369.404	8.837.559.967	8.523.624	12.706.333.061	15.000.000.000	9.636.401.780	8.837.559.967	14.201.158.187

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN

TP.HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2012
GÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
TÂM NHÌN
 HOÀNG QUỐC HÙNG



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Tổng số Công nhân viên

Tổng số Công nhân viên của Công ty: 22 người.

Trong đó: Nhân viên quản lý: 4 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi số kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật Ký Chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi : dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng nguyên giá tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng, sử dụng như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyển giá và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng trở lên.

6. Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: phí giao dịch, lưu ký chứng khoán; chi phí kiểm toán; tiền lương, ...

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

10.1 Doanh thu kinh doanh chứng khoán

Doanh thu kinh doanh chứng khoán được ghi nhận khi phát sinh khoản thu cung cấp dịch vụ của các hoạt động dịch vụ chứng khoán (thu phí môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, chiết khấu chứng khoán bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, và các loại phí khác...)

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)..

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận chia được ghi nhận khi Cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí Thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc tài bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét và kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2011	01/01/2011
Tiền mặt	30.056.311	24.459.022
Tiền gửi ngân hàng	10.208.050.973	5.554.264.232
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKK</i>	4.950.813.960	4.238.507.225
<i>Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trí</i>	13.232.301	203.914.860
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC</i>	244.004.712	1.111.842.147
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam</i>	5.000.000.000	-
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	11.415.149	245.475.022
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN NKKK</i>	4.285.067	219.654.127
<i>Ngân hàng An Bình - PGD Nguyễn Công Trí</i>	7.130.082	25.820.895
Tổng Cộng	10.249.522.433	5.824.198.276

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a). Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Chứng khoán khác	-	-
b). Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	42.461.790	1.083.491.152.160
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (Chứng chỉ quỹ)	320.360	1.217.932.000
Tổng cộng	42.782.150	1.084.709.084.160

3. Tài sản cố định**3.1 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	2.381.689.562	-	2.381.689.562
- Mua trong năm	-	134.314.168	-	134.314.168
-ĐT XDCB h.thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	174.097.958	-	174.097.958
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.341.905.772	-	2.341.905.772
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.159.001.159	-	1.159.001.159
- Khấu hao trong năm	-	344.773.877	-	344.773.877
- Chuyển sang BĐS	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	83.062.201	-	83.062.201
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1.420.712.835	-	1.420.712.835
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	1.222.688.403	-	1.222.688.403
Số dư cuối năm	-	921.192.937	-	921.192.937

* Giá trị nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 155.092.055 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

3.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	967.502.000	967.502.000
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	967.502.000	967.502.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	454.199.832	454.199.832
- Khấu hao trong năm	-	-	192.826.165	192.826.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	647.025.997	647.025.997
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	-	513.302.168	513.302.168
Số dư cuối năm	-	-	320.476.003	320.476.003
4. Tài sản ngắn hạn khác				
4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn			31/12/2011	01/01/2011
Máy vi tính, dây cáp, thiết bị đầu cuối			-	-
Chi phí chờ phân bổ văn phòng Vincom			1.173.751.566	-
Chi phí chờ phân bổ khác			228.695.036	143.221.435
Cộng			1.402.446.602	143.221.435
4.2 Thuế GTGT được khấu trừ			31/12/2011	01/01/2011
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ			-	94.721
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ			-	-
Cộng			-	94.721
4.3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			31/12/2011	01/01/2011
Thuế thu nhập cá nhân			134.297.432	256.201.805
Cộng			134.297.432	256.201.805
4.4 Tài sản ngắn hạn khác			31/12/2011	01/01/2011
Tạm ứng			152.605.798	125.824.761
Ký quỹ, ký cược			6.000.000	6.500.000
Cộng			158.605.798	132.324.761
5. Chi phí trả trước dài hạn			31/12/2011	01/01/2011
Chi phí chờ phân bổ văn phòng Vincom			1.056.821.474	1.154.244.168
Cộng			1.056.821.474	1.154.244.168
6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			31/12/2011	01/01/2011
Tiền nộp ban đầu			220.833.220	120.000.000
Tiền nộp bổ sung			-	72.489.980
Tiền lãi phân bổ trong năm			15.547.780	28.343.240
Cộng			236.381.000	220.833.220
7. Các khoản phải thu				
	Số dư đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Tăng	Giảm	
1. Phải thu khách hàng	-	996.374.573	996.374.573	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Phải thu khách hàng về giao dịch Chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) Chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký Chứng khoán	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-
3. Trả trước người bán	9.143.000	41.679.494	9.143.000	41.679.494
4. Thuế GTGT được khấu trừ	94.721	-	94.721	-
5. Phải thu nội bộ	-	-	-	-
6. Phải thu khác	6.000.000	-	6.000.000	-
Tổng cộng	15.237.721	1.038.054.067	1.011.612.294	41.679.494
8. Chi phí phải trả			31/12/2011	01/01/2011
Phí giao dịch, lưu ký phải trả TTGD và TTLK			73.100.331	105.743.558
Phải trả phí kiểm toán			61.636.364	33.000.000
Phải trả phí bảo trì phần mềm BOSCO năm 2010 cho FPT			-	13.000.000
Ước lương tháng 13 cho nhân viên			335.199.000	438.243.000
Phải trả phí gửi xe Q.4/2011			10.815.000	-
Cộng			480.750.695	589.986.558
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			31/12/2011	01/01/2011
Phải trả số GDCK			-	-
Phải trả Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác			-	-
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành			-	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán			-	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác			85.389	40.238.694
Cộng			85.389	40.238.694
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			31/12/2011	01/01/2011
Bảo hiểm xã hội			21.810.047	3.107.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác (Thuế TNDN của tổ chức nước ngoài)			122.268.738	104.208.486
Các khoản phải trả, phải nộp khác (Thuế TNCK của khách hàng trong nước)			36.717	2.948.056
Cộng			144.115.502	110.263.742
11. Vốn chủ sở hữu				
a). Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: xem trang 14				
b). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
			Năm 2011	
			Tỷ lệ	Vốn góp
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tâm Nhìn			89,1%	53.460.000.000
Citigroup Financial Products Inc.			9,9%	5.940.000.000
Ông Hoàng Quốc Hùng			0,2%	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ông Đoàn Mạnh Khâm	0,8%	480.000.000
Tổng cộng	100%	60.000.000.000
c). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận	Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	45.000.000.000	45.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	15.000.000.000	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	60.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d). Cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	6.000.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	4.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	4.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1. Doanh thu	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.275.080.305	3.654.000.455
Doanh thu khác	415.722.034	631.103.594
Tổng Cộng	2.690.802.339	4.285.104.049
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.690.802.339	4.285.104.049
2. Chi phí hoạt động kinh doanh	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	351.005.965	474.185.092
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	11.631.516	13.584.869
Chi phí khác	2.584.410.439	7.799.190.948
Tổng Cộng	2.947.047.920	8.286.960.909

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo: Không có
- Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: 11.415.149 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục: công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.889.627.370)	(13.794.965.513)

Khoản lỗ thuần của đơn vị trong năm 2011 là 9.636.401.780 đồng; khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2011 là 45.798.841.813 đồng, chiếm 76,33% vốn điều lệ. Điều này ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Công ty, không đảm bảo nguồn tài chính của Công ty hoạt động liên tục trong điều kiện bình thường, không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn về tài chính theo quy định của Bộ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty; các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

- 1) Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2012, việc phát hành sẽ được đưa ra trình trong Đại hội Cổ đông thường niên vào tháng 4 năm 2012.
- 2) Công ty đảm bảo phát triển thêm nguồn khách hàng mới trong năm 2012.
- 3) Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.
- 4) Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư theo đúng quy định của UBCKNN từ ngày 08/09/2008 do đó sẽ không có phát sinh bất kỳ khoản phải trả, phải thu nào đối với các nhà đầu tư chứng khoán mở tài khoản giao dịch tại công ty.

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN



Tp.HCM, ngày 05 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG QUỐC HÙNG